

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát
triển ngoại thương;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;*

*Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số
điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương
mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng
11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để
thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát
triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại; Thông
tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công
Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2019/TT-BCT ngày 30*

tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2022 và thay thế Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (t/h);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm CBTH; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, GTCNXD, NCPC (L)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]
Nguyễn Đăng Bình

QUY CHẾ

Xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2022/QĐ-UBND

ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn (sau đây gọi tắt là Chương trình).
2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình, các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, cơ quan quản lý Chương trình và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến Chương trình.
3. Những nội dung không có trong Quy chế này thì áp dụng theo các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 2. Mục tiêu của Chương trình

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn, phát triển ngoại thương, thị trường trong nước.
2. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, các hợp tác xã, tổ hợp tác và các hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.
3. Góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh, lợi thế so sánh cho các sản phẩm chủ lực, đặc trưng của tỉnh.
4. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch của tỉnh.

Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình

1. Đơn vị chủ trì bao gồm: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thuộc Sở Công Thương; các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn có đề án, nhiệm vụ xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, điều kiện quy định tại Quy chế này và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt.
2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - a) Có tư cách pháp nhân.
 - b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình; có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.
 - c) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

d) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho các đối tượng tham gia, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Đơn vị chủ trì tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình gồm có: Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, các hội, hiệp hội và các tổ chức xúc tiến thương mại Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

Điều 5. Quản lý nhà nước về Chương trình

1. Sở Công Thương là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm quản lý nhà nước về Chương trình.

2. Nội dung quản lý nhà nước về Chương trình.

a) Hướng dẫn xây dựng đề án, nhiệm vụ xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này.

b) Xem xét, đánh giá các đề án xúc tiến thương mại, tổng hợp vào Chương trình xúc tiến thương mại hằng năm của tỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình.

d) Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh, phối hợp quản lý kinh phí thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại thực hiện tại địa phương.

đ) Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách tỉnh phân bổ theo kế hoạch hằng năm.

b) Đóng góp của các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình.

c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hằng năm của Sở Công Thương.

b) Hỗ trợ kinh phí cho đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình; trong cùng một nội dung, không xem xét hỗ

trợ kinh phí từ nguồn xúc tiến thương mại này cho đơn vị tham gia đã được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

3. Kinh phí Chương trình được sử dụng cho mục đích sau:

a) Chi cho các nội dung xúc tiến thương mại được quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Quy chế này.

b) Chi cho hoạt động quản lý Chương trình.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 7. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương

1. Tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài đối với các sản phẩm, ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu của tỉnh; hội chợ, triển lãm quốc tế ở nước ngoài về dịch vụ logistics.

a) Đối với đơn vị chủ trì: Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức gian hàng của tỉnh, gồm: Tuyên truyền, quảng bá; thuê mặt bằng, thiết kế, trang trí, dàn dựng gian hàng; hàng mẫu trưng bày; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia gian hàng.

b) Đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ 100% chi phí tham gia gian hàng riêng tại hội chợ triển lãm, mức hỗ trợ tối đa là 180 triệu đồng/01 đơn vị.

2. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài

a) Đối với đơn vị chủ trì: Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá và mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến giao thương; chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo giao thương gồm: Hội trường, trang thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm mẫu, phiên dịch, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm, giải khát giữa giờ; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức.

b) Đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay/vé tàu/vé xe từ Việt Nam đến nước công tác và ngược lại (kể cả vé máy bay/vé tàu/vé xe trong nội địa nước đến công tác) cho 01 người/01 đơn vị tham gia.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 30 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 50 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 90 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

3. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào tỉnh khảo sát thị trường, giao dịch với doanh nghiệp trong tỉnh; trao đổi cơ hội về đầu tư, hợp tác phát triển dịch vụ logistics.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: Đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài; tổ chức hội thảo và giao thương; tuyên truyền, quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch.

4. Tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng

a) Hỗ trợ xây dựng khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu trên sàn giao dịch thương mại điện tử

- Hỗ trợ tối đa 100% các chi phí: Duy trì tư cách thành viên cơ bản cho tài khoản của đơn vị tham gia tối đa 12 tháng; duy trì tư cách thành viên đặc biệt cho đơn vị chủ trì tối đa 12 tháng để khai thác thông tin cho khách hàng cung cấp cho đơn vị tham gia; thiết kế gian hàng; tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia; chi phí tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì.

- Quy mô: Tối thiểu 05 đơn vị tham gia.

b) Tham gia gian hàng của các hội chợ, triển lãm quốc tế trên môi trường mạng

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí: Tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu thông tin gian hàng và mời các đơn vị tham gia giao dịch; thuê gian hàng trực tuyến; thiết kế tổng thể và chi tiết gian hàng; tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì (chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm).

- Quy mô: Tối thiểu 06 đơn vị tham gia đối với hội chợ, triển lãm đa ngành; 03 đơn vị tham gia đối với hội chợ, triển lãm chuyên ngành.

c) Tổ chức hội chợ, triển lãm trên môi trường mạng

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí: Tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu thông tin về hội chợ, triển lãm; mời tham gia, giao dịch; thuê nền tảng trực tuyến; thiết kế tổng thể và chi tiết hội chợ, triển lãm; tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì (chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm).

- Quy mô: Tối thiểu 25 đơn vị tham gia đối với hội chợ, triển lãm đa ngành

d) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn quốc tế ngành hàng xuất khẩu, giao thương trên môi trường mạng

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí: Tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu thông tin về hội nghị; mời tham gia, giao dịch; thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng; thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch; in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ, văn phòng phẩm; tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản

phẩm đối với giao thương kết hợp trực tiếp và trực tuyến; tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì (chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm).

- Quy mô:

+ Hoạt động giao thương giữa đơn vị Việt Nam và các nhà nhập khẩu nước ngoài: Tối thiểu 04 đơn vị nước ngoài, 15 đơn vị Việt Nam đối với hoạt động giao thương chuyên ngành; tối thiểu 15 đơn vị nước ngoài và 50 đơn vị Việt Nam tham gia đối với giao thương đa ngành:

+ Hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu: Tối thiểu 30 đơn vị Việt Nam và 10 đơn vị nước ngoài tham gia;

+ Hoạt động giao thương giữa nhà cung cấp với các nhà xuất khẩu Việt Nam, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài: Tối thiểu 15 nhà cung cấp và 04 nhà xuất khẩu.

đ) Tổ chức đào tạo, tập huấn trên môi trường mạng

- Hỗ trợ tối đa 100% chi phí: Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo; thuê giảng viên, số hóa bài giảng; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (nếu có); thuê nền tảng đào tạo trực tuyến; in ấn, phát hành giấy chứng nhận (nếu có); tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì (chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm).

- Quy mô tối thiểu: Tối thiểu 30 đơn vị tham gia.

5. Tổ chức kết nối giao thương giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại

- Hỗ trợ 100% chi phí: Tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp tham gia; thuê và trang trí hội trường; trang thiết bị; tổ chức gian hàng; khu trưng bày giới thiệu sản phẩm; phiên dịch; biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; chi phí tiếp khách đối với đại biểu khách mời trung ương, đại biểu ngoại tỉnh và đại biểu quốc tế; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì.

6. Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện: Xây dựng tài liệu hướng dẫn các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức nhập khẩu, cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức phổ biến, tập huấn gồm: Hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, giải khát giữa giờ; phổ biến trên các phương tiện thông tin truyền thông; giảng viên, báo cáo viên (thù lao, ăn, ở, đi lại); tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

7. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí: Biên soạn nội dung đào tạo, tập huấn; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm; thù lao, ăn, ở, đi lại của giảng viên, báo cáo viên; thuê hội trường, thiết bị, trang trí, giải khát giữa giờ; tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì.

8. Chi hỗ trợ thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm của tỉnh, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài:

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành.

b) Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, tài liệu, nước uống, biên dịch, phiên dịch (nếu có), phương tiện đi lại cho chuyên gia. Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 02 triệu đồng/1doanh nghiệp tham gia.

Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Tổ chức các hội chợ, triển lãm trong nước hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng.

a) Đối với đơn vị chủ trì: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí sau:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);
- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;
- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;
- Chi phí tuyên truyền quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu hội chợ triển lãm;

b) Đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ 50% chi phí thuê gian hàng tiêu chuẩn, mức hỗ trợ tối đa là 09 triệu đồng/01 đơn vị.

2. Tổ chức phiên chợ đưa hàng Việt từ khu vực sản xuất đến miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

Hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Vận chuyển hàng hóa; thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí tổng thể, điện, nước, vệ sinh, an ninh; tổ

chức khai mạc, bế mạc; chi phí quản lý, nhân công phục vụ; tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức các hoạt động bán hàng.

Mức hỗ trợ tối đa nội dung này là 130 triệu đồng/1 phiên.

3. Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện chương trình đưa hàng Việt vào các khu công nghiệp, khu đô thị.

Hỗ trợ 70% các chi phí: Vận chuyển; thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng quầy hàng; dịch vụ phục vụ; trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng; tổ chức khai mạc, bế mạc; chi quản lý, nhân công phục vụ; tuyên truyền, quảng bá.

Mức hỗ trợ tối đa là 95 triệu đồng/1 đợt bán hàng.

4. Tham gia hội chợ, triển lãm tại các tỉnh, thành phố trong nước.

Hỗ trợ 100% chi phí cho các đơn vị chủ trì tổ chức gian hàng của tỉnh, gồm: Tuyên truyền, quảng bá; thuê mặt bằng, thiết kế, trang trí, dàn dựng gian hàng; hàng mẫu trưng bày; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì và hỗ trợ một phần chi phí đi lại, ăn ngủ cho 01 người/01 đơn vị tham gia gian hàng.

5. Tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, chương trình kết nối giao thương, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp tham dự; tổ chức gian hàng, trưng bày sản phẩm; tổ chức hội nghị, chương trình; chi tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì.

6. Tổ chức đoàn giao thương, khảo sát, xúc tiến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh tại các tỉnh, thành phố trong nước.

a) Đối với đơn vị chủ trì: Hỗ trợ 100% chi phí tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp đến giao thương; chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo giao thương gồm: hội trường, trang thiết bị, trang trí, khu trưng bày sản phẩm mẫu, tài liệu, thẻ tên, văn phòng phẩm, giải khát giữa giờ; công tác phí cho người của đơn vị chủ trì và cán bộ tham gia đoàn.

b) Đối với đơn vị tham gia: Hỗ trợ một phần chi phí ăn, ở, đi lại cho 01 người/01 đơn vị.

7. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại: Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí mua tư liệu; điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; xuất bản và phát hành. Mức hỗ trợ tối đa là 01 triệu đồng/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

8. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa, dịch vụ Bắc Kạn đến người tiêu dùng trong nước thông qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ

biến thông tin khác: Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí thực hiện sản phẩm truyền thông và phát hành. Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 85 triệu đồng/01 chuyên đề tuyên truyền.

9. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

Hỗ trợ 100% các chi phí: Chi phí thiết kế, xây dựng nội dung chiến lược truyền thông; chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành. Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 50 triệu đồng/01 chuyên đề tuyên truyền.

10. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp trên địa bàn tỉnh như: Các chương trình khuyến mại tập trung (giờ, ngày, tuần, tháng, mùa khuyến mại); chương trình hàng Việt; chương trình giới thiệu sản phẩm mới; chương trình giới thiệu sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề trên địa bàn tỉnh.

Chi hỗ trợ 100% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện đề án, trong phạm vi khoản chi phí quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4, Điều 8 của Quy chế này với mức hỗ trợ tối đa là 50 triệu đồng/sự kiện.

11. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

Chi hỗ trợ 100% các khoản chi phí: Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên: Định mức áp dụng chi theo quy định hiện hành hoặc học phí trọn gói của khoá học.

Điều 9. Nội dung và mức hỗ trợ đối với các nhiệm vụ xúc tiến thương mại thường xuyên khác

1. Thông tin tuyên truyền.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí thực hiện các nội dung:

a) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh về hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm tỉnh Bắc Kạn.

b) Xuất bản các bản tin, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp giới thiệu, quảng bá sản phẩm.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu; xây dựng, vận hành và duy trì trang thông tin điện tử về xúc tiến thương mại.

d) Các hình thức thông tin đại chúng khác.

2. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại.

Hỗ trợ đơn vị chủ trì 100% chi phí thực hiện các nội dung:

a) Tổ chức hội thảo chuyên đề, hội nghị tổng kết, đánh giá về công tác xúc tiến thương mại hàng năm, giai đoạn;

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác xúc tiến thương mại; trao đổi, học tập về công tác xúc tiến thương mại.

Chương III **XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

Điều 10. Xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh hằng năm

1. Các đơn vị chủ trì gửi đề xuất đề án, nhiệm vụ thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại năm tiếp theo đến Sở Công Thương.

2. Sở Công Thương căn cứ đề xuất thực hiện Chương trình của các đơn vị và nhu cầu thực tế, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại hằng năm của tỉnh.

Điều 11. Điều chỉnh Chương trình và ngừng thực hiện đề án

1. Trường hợp cần điều chỉnh, thay đổi nội dung Chương trình, đơn vị chủ trì đề xuất phương án điều chỉnh gửi Sở Công Thương xem xét, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nội dung, mục tiêu, tiến độ đề án thuộc Chương trình đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp, Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ngừng thực hiện đề án.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

c) Tổng kết việc thực hiện Quy chế; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trong trường hợp cần thiết.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính xem xét tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách hằng năm và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh toán các khoản chi phí xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị chủ trì trong việc tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh; thông báo nội dung Quy chế này đến các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, thuộc đơn vị, địa phương mình quản lý biết, thực hiện.

4. Đơn vị chủ trì

a) Tổ chức thực hiện đề án thuộc Chương trình đã được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và dự toán; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi, mức chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

b) Lựa chọn đối tượng tham gia phù hợp với tiêu chí theo quy định. Nội dung tham gia của đơn vị phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của đơn vị.

c) Báo cáo kết quả gửi về Sở Công Thương sau khi thực hiện xong đề án.

d) Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án; quyết toán kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

5. Đơn vị tham gia

a) Đề xuất với đơn vị chủ trì tham gia đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương mại đã được phê duyệt.

b) Có trách nhiệm báo cáo tình hình, đánh giá kết quả tham gia đề án cho đơn vị chủ trì.

c) Cung cấp đầy đủ chứng từ, phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì thực hiện thanh quyết toán sau khi đề án thuộc Chương trình kết thúc.

Điều 13. Báo cáo thực hiện Đề án

1. Đơn vị chủ trì: Báo cáo kết quả thực hiện đề án/nhiệm vụ về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Công Thương) chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày kết thúc các nội dung của Đề án.

2. Đơn vị tham gia thực hiện: Gửi báo cáo kết quả tham gia đề án về đơn vị chủ trì chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc các nội dung của Đề án.

3. Định kỳ 06 tháng, các đơn vị chủ trì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện các Đề án (06 tháng đầu năm trước ngày 31 tháng 7 và cả năm trước ngày 31 tháng 12).

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các đơn vị chủ trì, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.